

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

IMPROVING THE EFFICIENCY OF SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES IN VIETNAMESE UNIVERSITIES AND COLLEGES

LÊ DƯƠNG THÙY HƯƠNG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai, thuyhuongleduong@gmail.com

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 12/12/2019 Ngày nhận lại: 19/02/2020 Duyệt đăng: 24/3/2020 Mã số: CLBGD92020-006 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: Cao đẳng, Đại học, giảng viên, khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học.</p> <p>Key words: college, university, lecturers, science and technology, scientific research.</p>	<p><i>Bài viết sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp nghiên cứu về thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.</i></p> <p>ABSTRACT <i>The article uses the method of collecting secondary materials to research on current status of scientific research activities in universities and colleges in Vietnam. The research results show that, besides the achievements, scientific research activities in universities and colleges are still limited and problems. Thereby, this article also proposes some solutions to improve the efficiency of scientific research activities in universities and colleges in Vietnam today.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ chính và quan trọng của các trường đại học, cao đẳng. Đây là hai hoạt động có mối quan hệ hữu cơ, hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của một nhà trường, trong đó việc đẩy mạnh giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những biện pháp quan trọng - bắt buộc - cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội, nhất là trong bối cảnh cuộc

Cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học vừa là tiêu chuẩn vừa là nhiệm vụ đối với mỗi giảng viên. Đây là hoạt động có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng đối với cả nhà trường và giảng viên. Không thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu khoa học thì không thể nói đến chất lượng đào tạo cao, trong khi chất lượng đào tạo quyết định sự tồn tại và phát triển của các trường đại học, cao đẳng. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng còn tồn tại nhiều vấn đề, đòi hỏi cần khắc phục trong thời gian tới.

Việc nghiên cứu tình hình hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay, để từ đó, tìm ra những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học là việc làm cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tình hình hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu: "Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996). Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng có những bước cải thiện rõ rệt. Hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng Việt Nam hiện nay đã có những đóng góp đáng kể vào thành tích chung của nhà trường như: Hệ thống giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo khá đầy đủ và có chất lượng tốt phục vụ công tác giáo dục, đào tạo, ngay trong một giáo trình môn học hay một bài giảng cũng là kết tinh của quá trình nghiên cứu khoa học. Không chỉ phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong nhà trường còn đáp ứng nhu cầu mà xã hội và nền kinh tế đòi hỏi như chế tạo các sản phẩm có chất lượng, chế tạo máy móc công cụ để phục vụ sản xuất (Ngô Thị Thu Hồng, Phạm Thị Lan Anh, 2019).

Sự hình thành các nhà nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng như một lẽ tự nhiên và tất yếu. Chính vì vậy, danh tiếng của các trường đại học lớn trên thế giới thường được gắn với tầm vóc các công trình khoa học và tên tuổi các nhà khoa học phát minh ra chúng. Các nhà khoa học uy tín làm nên tên tuổi trường đại học, cao đẳng. Khảo sát từ 142/271 trường đại học của đại học quốc gia Hà Nội cho thấy, trong các trường đã hình

thành 945 nhóm nghiên cứu. Một trường đại học có trung bình 7 nhóm nghiên cứu với độ tuổi tham gia đông nhất là 35-45, chiếm 59,2%. Nhiều nhóm nghiên cứu mới được hình thành từ năm 2017 trở lại đây. Điều này có thể lý giải bởi áp lực của yêu cầu về công bố quốc tế dành cho đội ngũ giảng viên và nghiên cứu sinh (Nhật Nam, 2019). Theo thống kê mới đây nhất của nhóm nghiên cứu độc lập đến từ Đại học Duy Tân, tính từ 2017 đến thời điểm cuối 2018, chỉ riêng các công bố quốc tế của 30 trường đại học Việt Nam hàng đầu trong danh sách này đã đạt 10.515 bài, và hơn cả giai đoạn 5 năm trước 2011-2015 là 10.034 bài (Lê Thu, 2017).

Có thể thấy, trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau kể cả trường công lẫn trường tư còn yếu cả về chất lượng và số lượng, hoạt động chính chủ yếu là giảng dạy. Năm học 2017-2018, cả nước có khoảng 700 trường đại học, học viện, cao đẳng với tổng số giảng viên là 74.991 người. Số lượng giảng viên và chức danh khoa học năm học 2017-2018 so với 2016-2017 tăng lên đáng kể, nhưng số trường có bài báo được công nhận quốc tế (có bài báo ISI/SCOPUS) thì lại rất khiêm tốn (Ngô Thị Thu Hồng, Phạm Thị Lan Anh, 2019). Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu không nhiều, một tỷ lệ khá lớn trong số đó chưa thật sự nhiệt tình và say mê nghiên cứu dẫn đến một số công trình nghiên cứu, dù ở những cấp cao như đề tài cấp bộ... vẫn còn hạn chế về chất lượng với hàm lượng khoa học thấp. Cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng chưa mạnh mẽ và hiệu quả; chính sách hỗ trợ các trường trong việc thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ còn bất cập; các trường, giảng viên chưa thực sự coi trọng nghiên cứu khoa học, thiếu đầu tư trọng điểm cho các nhóm nghiên cứu gắn với các ngành đào tạo trọng tâm. Giai đoạn 2011-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư khoảng

292 tỷ đồng cho 46 dự án tăng cường năng lực nghiên cứu. Các phòng thí nghiệm được tập trung cho tăng cường trang thiết bị nhằm tăng khả năng tạo sản phẩm ứng dụng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (Mạnh Xuân, Giang Sơn, 2017). Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế cần khắc phục. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên chưa được đánh giá hàng năm nên nhiều giảng viên, trong đó có cả các tiến sĩ không có các công bố khoa học trong năm. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ cho nghiên cứu khoa học đầu tư chưa đồng bộ; phòng thí nghiệm phân tích số liệu còn thiếu thốn và lạc hậu chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của giảng viên; nhiều nghiên cứu còn mang tính cá nhân, chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu trong các trường sư phạm. Một số nghiên cứu còn dàn trải, chưa tập trung, chưa xây dựng được chính sách và kế hoạch cho phát triển khoa học giáo dục khiến các nghiên cứu rất khó chuyển giao vào thực tế. Trong nghiên cứu khoa học thiếu vắng sự hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng trong nước trong việc sử dụng chung nguồn lực các trang thiết bị được đầu tư. Sự hợp tác quốc tế của các trường về khoa học công nghệ còn mang tính hình thức, ít hiệu quả; thiếu vắng sự góp mặt của các nhà khoa học quốc tế. Sự hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng và các doanh nghiệp chưa thật sự phát triển.

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về vị trí, vai trò của nghiên cứu khoa học trong quá trình đổi mới đào tạo. Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo hướng các khoa, bộ môn, phòng gợi mở những chủ đề, định hướng nội dung nghiên cứu. Nội dung nghiên cứu tập trung vào những vấn đề lý luận hoặc thực tiễn thuộc các môn học trong chương trình

đào tạo hệ trung cấp luật; ưu tiên khuyến khích nghiên cứu những vấn đề trong lĩnh vực tư pháp, những vấn đề trong khoa học giáo dục, nhất là đề tài nghiên cứu nhằm tìm kiếm những giải pháp nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo. Từ đó, cán bộ, giảng viên và học sinh chủ động tìm kiếm những ý tưởng khoa học, những đề tài mà họ cảm thấy tâm đắc.

Hai là, để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học, cao đẳng thì chính giảng viên - chủ thể của hoạt động này phải thay đổi cách thức nghiên cứu khoa học theo hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra, các vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết qua quá trình giảng dạy, nghiên cứu để tạo ra sản phẩm có tính ứng dụng và khả thi. Đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam có nhiều vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có những nghiên cứu trên tất cả các lĩnh vực, từ xã hội nhân văn đến các ngành khoa học kỹ thuật. Khi những nghiên cứu đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn thì sẽ không thể để trong ngăn kéo, mà cung cấp luận cứ khoa học trở thành lý luận soi đường cho công cuộc đổi mới, trở thành những sản phẩm có tính ứng dụng cao. Qua nghiên cứu, đội ngũ cán bộ giảng dạy luôn có cơ hội cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, góp phần làm cho bài giảng phù hợp với thực tế.

Ba là, để thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong trường đại học, cao đẳng thì các chính sách, thể chế cũng cần đổi mới theo hướng xóa bỏ các rào cản hành chính để giảm thời gian làm thủ tục giấy tờ, tạo động lực thu hút người trẻ say mê với khoa học; cần bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong xét duyệt đề tài nghiên cứu và xem xét lại quy trình nghiệm thu đề tài với mục tiêu là hiệu quả nghiên cứu. Cải tiến thủ tục xét duyệt đề tài theo hướng đặt hàng hằng năm và liên kết các đơn vị sử dụng (doanh nghiệp, tổ chức) và các cơ quan nghiên cứu.

Chủ trương đổi mới cơ chế tài chính và quản lý hoạt động khoa học - công nghệ đã được khẳng định trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31-10-2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Việc xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển khoa học và công nghệ là cơ hội rất lớn để Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ sở giáo dục đại học thoát ra khỏi cơ chế ràng buộc, phân bổ mang tính dự toán như trước đây về khai thác tiềm lực nguồn nhân lực về khoa học - công nghệ của các trường và tiến đến xây dựng các trường đại học nghiên cứu. Làm được điều đó sẽ hướng đến xây dựng được trường đại học nghiên cứu - nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ chính, một nguồn thu quan trọng cho hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện triển khai Luật Khoa học Công nghệ năm 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ đã và đang xây dựng những chính sách nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học, chính sách kinh phí và biên chế thỏa đáng cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc thành lập các trung tâm ươm tạo và chuyển giao công nghệ trong trường đại học được triển khai sẽ là cầu nối giữa người nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp, hỗ trợ nuôi dưỡng các ý tưởng mới, hoàn thiện và thương mại hóa các ý tưởng, sáng kiến, kết quả nghiên cứu. Chính sách xác định phân chia lợi nhuận đối với tác giả, những người nghiên cứu khoa học cũng đang được xây dựng nhằm bảo đảm quyền lợi bản quyền chuyển giao một cách thích đáng cho người nghiên cứu. Với những

chính sách đột phá sẽ tạo động lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học với nhiều thành tựu, ứng dụng mới.

Bốn là, xây dựng cơ chế bắt buộc phải dành thời gian cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Định mức công trình nghiên cứu khoa học cộng với cơ chế tài chính đủ để tạo ra các công trình nghiên cứu có chất lượng. Ví dụ, 45% cho giảng dạy; 35% cho hoạt động nghiên cứu khoa học và 20% cho các hoạt động khác (tự học, tự bồi dưỡng). Điều này phải trở thành quy chế bắt buộc với tất cả các trường đại học, cao đẳng. Không được phép chuyển đổi thời gian giảng dạy cho thời gian nghiên cứu khoa học. Giảng viên bắt buộc phải có bài báo được thẩm định công bố hàng năm trên tạp chí có uy tín, thương hiệu thuộc ngành, lĩnh vực.

Năm là, có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ trọng điểm theo mô hình tiên tiến và triển khai những dự án khoa học, công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí, kết quả nghiên cứu. Giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu, đồng thời có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ về phát triển khoa học, công nghệ; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với hoạt động khoa học.

Kinh nghiệm của nhiều trường hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ dưới hình thức nghiên cứu ứng dụng triển khai (khoa học kỹ thuật nông nghiệp với nhiều giống hoa, lúa, rau; khoa học công nghiệp dân dụng: với nhiều sản phẩm điện điện tử, cơ khí, v.v..) đã đem lại lợi ích rất lớn cho xã hội và nhà khoa học. Xu hướng thế giới là đang chuyển dần các trường đại học thành đại học nghiên cứu, tức chú trọng

đến hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, điều này đã và sẽ đặt ra cho các trường phải dành sự quan tâm, có hướng giải pháp kịp thời cho hoạt động này để mang lại hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

Sáu là, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Đưa đội ngũ giảng viên trẻ ra nước ngoài học tập kết hợp nghiên cứu khoa học, tạo nên đội ngũ các nhà nghiên cứu có sự kết nối với các trường đại học quốc tế. Thực tế trong những năm qua, các trường đại học, cao đẳng khi triển khai đưa giảng viên trẻ đi học ở nước ngoài đều có yêu cầu với nghiên cứu khoa học, khi về nước làm việc khá hiệu quả. Trong thời gian tới, để hoạt động nghiên cứu khoa học của các giảng viên đạt hiệu quả, cần có quy định rõ chuẩn giờ giảng nhằm tránh tình trạng các giảng viên chú trọng quá nhiều vào giảng dạy mà ít nghiên cứu khoa học.

Bảy là, hình thành các nhóm nghiên cứu của các giảng viên trong từng trường và với các trường với nhau. Các bộ liên quan cần thay đổi mô hình đầu tư, tăng cường năng lực nghiên cứu và đầu tư phát triển khoa học và công nghệ cho các trường đại học, cao đẳng, không phân biệt giữa trường công lập và ngoài công lập, mà hướng tới sản phẩm đầu ra đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Nhà nước đặt ra. Thay đổi phương thức tổ chức các nhiệm vụ khoa học

công nghệ (các đề tài, dự án cấp bộ) trong các trường đại học, cao đẳng. Mặt khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có quy định để các trường đại học, cao đẳng (kể cả ngoài công lập) được sử dụng chung các phòng nghiên cứu do Nhà nước đầu tư nhằm vừa tăng hiệu quả đầu tư, vừa tránh thiệt thòi cho các trường ngoài công lập.

3. KẾT LUẬN

Chất lượng đào tạo không chỉ là uy tín, thương hiệu mà còn là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các trường đại học, cao đẳng. Để có chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội, hoạt động giảng dạy của người thầy phải gắn liền với hoạt động nghiên cứu khoa học. Để đạt được điều đó các trường đại học, cao đẳng cần phải áp dụng đồng bộ các giải pháp cụ thể, phù hợp, vừa động viên khích lệ vừa ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi đồng thời xây dựng một không gian khoa học trong nhà trường tạo động lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển. Bên cạnh sự nỗ lực nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường để mỗi cán bộ giảng viên vừa là giảng viên vừa là nhà khoa học cần có sự thay đổi mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ từ các chủ thể: Nhà nước - nhà trường - giảng viên - tổ chức, doanh nghiệp đặt hàng và sử dụng các sản phẩm khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*, Hà Nội.
3. Ngô Thị Thu Hồng, Phạm Thị Lan Anh (2019), *Tháo gỡ khó khăn trong nghiên cứu khoa học tại các trường đại học Việt Nam*, <http://tapchitaichinh.vn>.
4. Lê Thu (2017), *Giáo dục đại học: Sẽ phải chuyển hướng sang đẩy mạnh nghiên cứu khoa học*.
5. Mạnh Xuân, Giang Sơn (2017), *Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong các trường đại học*, <https://www.nhandan.com.vn>.